

ĐÁNH GIÁ NĂNG LỰC TIẾNG VIỆT CHO NGƯỜI NƯỚC NGOÀI

1. Định dạng đề thi:

1.1. Đề thi Nghe:

- Thời gian làm bài: 60 phút. Thí sinh chỉ nghe 1 lần.
- Hình thức thi: 55 câu hỏi trắc nghiệm (10 điểm)

1.2. Đề thi Đọc:

- Thời gian làm bài: 60 phút.
- Hình thức thi: 40 câu hỏi trắc nghiệm (10 điểm)

1.3. Đề thi Nói:

- Thời gian làm bài: 15 phút.
- Hình thức thi: thí sinh thi vấn đáp với giám khảo về những chủ đề và tình huống khác nhau (10 điểm)

1.4. Đề thi Viết:

- Thời gian làm bài: 60 phút
- Hình thức thi: viết chính tả (điền vào chỗ trống), viết một bức thư/e-mail, viết theo chủ đề (10 điểm)

2. Quy đổi điểm sang các bậc năng lực:

- Mỗi kỹ năng được đánh giá theo thang điểm 10.
- Điểm trung bình của 4 kỹ năng được dùng để xác định bậc năng lực sử dụng tiếng Việt.
- Thí sinh đạt 0 điểm của 1 trong 4 kỹ năng thì đánh giá là không đạt.
- Bảng quy đổi điểm sang các bậc năng lực

Khung năng lực tiếng Việt			Điểm	Khung tham chiếu châu Âu
Sơ cấp	Bậc 1	Đã học xong 160 tiết (Sơ cấp 2 hoặc VSL 1)	1,0 - 1,5	A1
	Bậc 2	Đã học xong 320 tiết (Sơ cấp 4 hoặc VSL 2)	2,0 - 3,5	A2
Trung cấp	Bậc 3	Đã học xong 480 tiết (Trung cấp 2 hoặc VSL 3)	4,0 - 5,5	B1
	Bậc 4	Đã học xong 640 tiết (Trung cấp 4 hoặc VSL 4)	6,0 - 7,0	B2
Cao cấp	Bậc 5	Đã học xong 720 tiết (Cao cấp 1 hoặc bài 5, VSL 5)	7,5 - 8,5	C1
	Bậc 6	Đã học xong 800 tiết (Cao cấp 2 hoặc VSL 5 và các sách nâng cao kỹ năng)	9,0 - 10	C2

Tp.HCM, ngày 06 tháng 02 năm 2017

Trưởng Khoa

(đã ký)

Lê Khắc Cường